

TỜ TRÌNH

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn
nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

Kính gửi: Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định 136/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật đầu tư công và Nghị định 161/2016/NĐ-CP về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Số 84/2015/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và danh mục dự án dự kiến khởi công mới thuộc vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thái Nguyên; Số 06/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 về kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và 3 năm 2018 - 2020 tỉnh Thái Nguyên; Số 31/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Số 19/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước - vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thái Nguyên; Số 06/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Thông báo số 3201-TB/TU ngày 24/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020:

- Bổ sung từ nguồn bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: 61,141 tỷ đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn giữa các dự án do quyết toán còn thừa vốn để bổ sung cho các dự án chưa đưa vào kế hoạch trung hạn; thực hiện đình hoãn, giãn tiến độ một số dự án chưa thực sự cấp thiết để bổ sung vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương thuộc nguồn vốn phân cấp 40% cho cấp huyện và hỗ trợ đầu tư hạ tầng các xã ATK giữa các công trình, dự án trong cùng một địa phương.

2. Nguyên tắc phân bổ:

Thực hiện đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ban hành kèm theo Nghị quyết số 84/2015/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 của HĐND tỉnh, đồng thời chấp hành nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

- Ưu tiên bổ sung vốn cho các dự án hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn để làm cơ sở bổ sung kế hoạch hàng năm, thực hiện tất toán tài khoản.

- Bổ sung vốn cho một số công trình trọng điểm cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành.

- Bổ sung, cân đối đủ vốn cho các dự án, công trình đang triển khai thực hiện mà chưa bố trí đủ vốn.

- Bổ sung vốn và danh mục các dự án khởi công mới cấp bách, trọng điểm của tỉnh, của địa phương cần phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2020.

3. Danh mục dự án và phương án phân bổ:

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết nghị về điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.

pth6/485

KB

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trịnh Việt Hùng

BIỂU 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(PHẦN TỈNH QUẢN LÝ)

(Kèm theo Tờ trình số *46*/TT-UBND ngày *26* tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư ban đầu (QĐ đầu tư điều chỉnh) hoặc PMDT			KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Tăng/ Giảm(-)	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó NS tỉnh
				NSTW	NS tỉnh							
	TỔNG SỐ		4.071.110	387.841	1.664.882	821.821	820.302	881.442	881.442	61.141		
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI		3.953.865	387.841	1.602.210	821.821	820.302	820.301	820.301	(0)		
I	Dự án đã hoàn thành		54.789	2.000	52.789	30.874	30.874	34.806	34.806	3.932		
1	Nâng cấp đường vào di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khau Tý	784/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	3.232	2.000	1.232	2.524	2.524	1.312	1.312	-1.212	Ban QL KDTLS ST ATK Đã phê duyệt QT, TP Đà Nẵng tài trợ 2 tỷ, đã bố trí đủ vốn cho dự án, phần vốn thừa cần điều chỉnh sang dự án khác	
2	Khu căn cứ chiến đấu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	47 - 1/6/2018; 4362 - 31/12/2019	16.673		16.673	15.300	15.300	16.673	16.673	1.373	Bộ CHQS tỉnh	
3	Trụ sở Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy - cứu nạn - cứu hộ thị xã Sông Công	1525-18/7/2012; 643 - 11/3/2019	20.458		20.458	3.296	3.296	3.762	3.762	466	Công an tỉnh Bổ sung KH trung hạn để trả nợ các dự án đã quyết toán, không làm phát sinh nợ đọng XDCB sau ngày 31/12/2014	
4	Đường nội bộ khu vực trụ sở Tỉnh ủy	2871 - 31/10/2016; 1292 - 7/5/2020	14.426		14.426	9.754	9.754	13.059	13.059	3.305	Văn phòng Tỉnh ủy	
II	Dự án chuyển tiếp		1.859.046	332.316	1.018.463	625.702	624.183	612.850	612.850	-11.332		
1	Bảo vệ và phát triển rừng huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên GD 2011-2020	2390 12/11/2013; 3495 09/11/2017	154.337	28.500	125.837			866,4	866,4	866	Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai	

Số TT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư ban đầu (QĐ đầu tư điều chỉnh) hoặc			KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Tăng/Giảm(-)	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó				
			NSTW	NS tỉnh								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
2	Bảo vệ và phát triển rừng huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên GD 2011-2020	2261 30/10/2013; 3494 09/11/2017	205.899	30.080	175.819			998,6	998,6	999	BQL rừng ATK Định Hóa	Dự án Trồng rừng sản xuất, phòng hộ, xây dựng Vườn cây Bác Hồ tại ATK và nâng cao năng lực PCCCR GD 2016-2020 đã được bố trí vốn NSTW hỗ trợ để trồng rừng (bao gồm cả năm 2020); 2 dự án Bảo vệ và phát triển rừng huyện Võ Nhai GD 2011-2020 và Bảo vệ và phát triển rừng huyện Định Hoá GD 2011-2020. Đến hết năm 2019 đã bố trí đủ vốn NSTW, để thực hiện được công tác trồng rừng năm 2020 trên địa bàn 2 huyện này phải bố trí NSDP để thực hiện
3	Trồng rừng sản xuất, phòng hộ, xây dựng Vườn cây Bác Hồ tại ATK và nâng cao năng lực PCCCR tỉnh Thái Nguyên GD 2016-2020.	2988 30/10/2015; 3224 23/10/2017; 3816 25/11/2019	127.999	49.451		1.865	1.865	-	-	-1.865	Chi cục Kiểm lâm	
4	Đường nối Quốc lộ 3 mới (Hà Nội - Thái Nguyên) - Khu công nghiệp Yên Bình I, tỉnh Thái Nguyên (đoạn từ Km1+631,8 - Km3+369,6)	1535- 15/7/2014	200.384			125.346	125.346	92.244	92.244	-33.102	BQL DAĐTXD các CT giao thông	Điều chỉnh giảm do không giải ngân hết KH vốn, chuyển sang các CT giao thông khác
5	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh- Phúc Hà	2992 ngày 30/10/2015	170.000	121.080	48.920	28.728	28.728	45.300	45.300	16.572	BQL DAĐTXD các CT giao thông	
6	Đường gom Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên đoạn từ Khu công nghiệp Yên Bình đến đường ĐT 266 (Khu công nghiệp Diềm Thụy)	2233- 09/10/2014	229.335			76.402	76.402	94.204	94.204	17.802	BQL DAĐTXD các CT giao thông	Bổ sung vốn từ dự án không giải ngân hết sang các dự án đã có khối lượng và còn nhu cầu vốn để đảm bảo bố trí vốn theo tiến độ thực hiện dự án
7	Nâng cấp Hóa Thượng- Hòa Bình (ĐT 273)	3295 ngày 27/10/2017	125.371	90.000	35.371	6.134	6.134	9.907	9.907	3.773	BQL DAĐTXD các CT giao thông	

Số TT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư ban đầu (QĐ đầu tư điều chỉnh) hoặc				KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Tăng/Giảm(-)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh				
8	Trung tâm y tế huyện Phú Lương (TT y tế dự phòng huyện Phú Lương)	2394/QĐ-UBND; 23/10/2012	21.966	21.966	12.042	10.523	3.123	3.123	-7.400	TT y tế huyện Phú Lương	Điều chỉnh giảm do đã bố trí từ nguồn vốn khác. Dự án không được bố trí vốn năm 2020, việc điều chỉnh giảm không làm dư ra nguồn vốn	
9	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Phú Lương.	352/HĐND-VP 31/10/2016	11.800	11.800	7.796	7.796	7.900	7.900	104	UBND huyện Phú Lương	Số vốn trung hạn sau điều chỉnh là số vốn đã giao từ năm 2016 đến năm 2020 (phần tăng thêm là phần giao vượt KH trung hạn), nay đề nghị điều chỉnh để phù hợp với số KH vốn đã giao	
10	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020	2497/QĐ-UBND 28/9/2016	26.487	26.487	17.377	17.377	18.053	18.053	676	Văn phòng Tỉnh ủy		
11	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên	2316-09/9/2016	241.520	241.520	150.634	150.634	175.241	175.241	24.607	Sở Giáo dục và Đào tạo		
12	Nâng cấp trung tâm Quản lý tâm thần tỉnh TN	2286-31/10/2013	44.017	13.205	30.812	1.115	1.115	1.684	1.684	569		Trung tâm điều dưỡng và PHCN tâm thần kinh
13	Trụ sở khu đa trung tâm thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên	1893-24/8/2012	39.602	39.602	18.497	18.497	19.150	19.150	653	Sở Nông nghiệp & PTNT		
14	Hỗ trợ thực hiện Nghị định 57/2018/NĐ-CP				36.820	36.820	17.776	17.776	-19.044		Điều chỉnh giảm do KH vốn cao hơn nhu cầu của doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn	
15	Nhà làm việc Đội cơ động - Chi cục Quản lý thị trường, Nhà khám tang vật Chi cục Quản lý thị trường	2910/QĐ-UBND-31/10/2016	9.000	9.000	5.565	5.565	1.800	1.800	-3.765	BQL DA&TXD các CT DD&CN	Điều chỉnh giảm do CC QLTT nay đã chuyển về quản lý và đầu tư theo ngành dọc	

Số TT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư ban đầu (QĐ đầu tư điều chỉnh) hoặc				KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Tăng/Giảm(-)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NS tỉnh							
16	Quảng trường Võ Nguyên Giáp	14/8/2015	161.535		161.535	87.382	87.382	50.183	50.183	-37.199	UBND TP Thái Nguyên	Do vướng mắc về mặt bằng, không tiếp tục triển khai trong thời gian tới. Sẽ tiếp tục bố trí vốn hoàn thiện dự án trong giai đoạn sau.
17	Đầu tư xây dựng phù điêu tại quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	3093-27/12/2014; 3297 - 27/10/2017	89.794		89.794	50.000	50.000	74.421	74.421	24.421	Sở Văn hóa, TT&DL	Bổ sung vốn để đảm bảo đến 80% giá trị gói thầu xây lắp, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án
III	Dự án khởi công mới		300.283	53.525	35.200	0	0	7.400	7.400	7.400		
1	Bệnh viện YHCT tỉnh Thái Nguyên (GD 1)	3579; 31/10/2019	300.283	53525	35.200			7.400	7.400	7400	Bệnh viện YHCT	Sở Y tế đề nghị chuyển phần vốn từ TTYT Phú Lương sang dự án này (Chưa có nguồn dư ra để bố trí cho dự án)
IV	Đối ứng ODA		1.739.747	0	495.758	165.245	165.245	165.245	165.245	0		
1	Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012	950.488,80		269.204,30	147.444	147.444	137.724	137.724	-9.720,00	Cty TNHH MTV Thoát nước và PT hạ tầng đô thị Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm do dự án đã hoàn thành, dư vốn NSDP đối ứng cần chuyển sang dự án khác
2	Kè chống lũ trên sông Cầu bảo vệ phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên và khu công nghiệp Gang Thép	3196/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	70.222,00		10.000,00	5.000	5.000,00	7.846	7.846	2.846,00	BQLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT	
3	Dự án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên"	Số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	152.917,00		23.976,00	9.000	9.000,00	12.600	12.600	3.600,00	Sở Tài Nguyên và Môi trường	Bổ sung KH vốn NSDP để đáp ứng tỷ lệ vốn đối ứng theo hiệp định

Số TT	Danh mục dự án	QĐ đầu tư ban đầu (QĐ đầu tư điều chỉnh) hoặc				KH đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020		Tăng/Giảm(-)	Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm phê duyệt	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NS tỉnh				
			NS tỉnh	NS tỉnh								
4	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố TN	1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438.544,00	186.054,80	-	0,00	2.075	2.075	2.075,00	Cty TNHH MTV Thoát nước và PHTT đô thị Thái Nguyên	Bổ sung KH vốn NSDP để đáp ứng tỷ lệ vốn đối ứng theo hiệp định	
5	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Thái Nguyên	3250 - 31/10/2018	127.575,00	6.523,00	3.801	3.801,00	5.000	5.000	1.199,00	BQLDA ĐTXD các CT Nông nghiệp & PTNT		
B	BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 2016-2020 TỪ NGUỒN BÁN ĐẤU GIÁ QUYỀN SDD VÀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT		117.245	-	62.672	-	-	61.141	61.141	61.141		
1	Bến xe khách phía Nam thành phố Thái Nguyên; Bến xe khách thị xã Phò Yên; Bến xe khách huyện Phú Bình; Bến xe khách huyện Đại Từ theo hình thức đối tác công tư (Hợp đồng BOO)	1427/QĐ-UBND ngày 6/6/2017	102.745	48.172			46.641	46.641	46.641	Sở Giao thông vận tải	Đã được Thường trực HĐND tỉnh đồng ý chủ trương bổ sung vốn NSDP tại văn bản số 37/HĐND-VP ngày 17/02/2020; Sở chuyên ngành đang thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư từ 102690 trở lên 117826 trở	
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên	604/QĐ-UBND, 09/3/2020 PD Chủ trương ĐT	14.500	14.500			14.500	14.500	14500	Sở Giao thông vận tải	NSDP từ nguồn bán đấu giá tài sản tại QĐ 3859/QĐ-UBND ngày 28/11/2019, QĐ 3407/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 PD PA sắp xếp lại ĐVSN, đấu giá quyền SD đất; Sở TNMT đã có CV gửi UBND tỉnh về bổ sung vào KH sử dụng đất năm 2020 tại kỳ họp HĐND thứ XI	

BIỂU 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 NGUỒN VỐN NSDP PHÂN HUYỆN QUẢN LÝ


(Kèm theo Tờ trình số: *42/TT-UBND* ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: triệu đồng




TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư				Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Phần 40%	ATK	NV khác				
A	Huyện Đại Từ		754.689	76.066	188.135	471.536	258.538,2	0,0	258.538,2	
a	Công trình hoàn thành đã quyết toán		271.176	18.330	107.757	124.875	134.529,2	1.350,9	135.880,1	
1	Nhà văn hóa Mỹ Yên	6699-29/10/2014	2.713		850	1.863	1.235,0	-308,7	926,3	
2	Nhà văn hóa Tiên Hội	4687-30/6/2015	3.080		1.400	1.680	1.586,0	-2,8	1.583,2	
3	Hồ Suối Diểu xã Khôi Kỳ	1502-4/7/2008	39.200		6.777	32.423	6.777,0	-54,3	6.722,7	
4	Nhà văn hóa Bia di tích 2 lần Bác Hồ về thăm xã Hùng Sơn H Đại Từ	2819-30/10/2009	2.968	1.420		1.548	1.420,0	-5,8	1.414,2	
5	Kè bờ tả Sông công đoạn qua trung tâm xã Phú Cường và kè chống sạt lở Suối Luôn đoạn qua phố Điệp xã Tiên Hội huyện Đại Từ	2758-31/10/2011	29.146	8.107		21.039	8.108,0	-0,6	8.107,4	
6	Trụ sở UBND xã Na Mao	2469-30/10/2012	6.066		1.066	5.000	1.066,0	-1,0	1.065,0	
7	Trụ sở UBND xã Bình Thuận	3089/QĐ-UBND ngày 06/10/2017	5.413	1.589		3.824	1.589,0	-34,5	1.554,5	
8	Trụ sở UBND xã Vạn Thọ	3867/QĐ-UBND ngày 13/12/2017	5.596	814		4.782	814,0	-6,1	807,9	
9	Trụ sở UBND xã Ký Phú	1298-1/6/2015	5.302		1.542	3.760	1.542,0	-4,4	1.537,6	
10	Trường TH Phú Thịnh, HM: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	2156/QĐ-UBND ngày 14/5/2018	3.461		3.216	245	3.216,2	-0,2	3.216,0	
11	Trường THCS Mỹ Yên. HM: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	3053/QĐ-UBND ngày 01/6/2018	3.564		3.564	0	3.581,0	-16,3	3.564,7	
12	Trường MN Phục Linh. HM: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	Số 5185/QĐ-UBND ngày 10/8/2018	3.933		3.933		3.806,0	127,0	3.933,0	


TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Phần 40%	ATK					NV khác
13	Nhà văn hóa xã Phú Cường	Số 5906/QĐ-UBND ngày 03/10/2018	2.875		2.875	0	3.033,0	-159,0	2.874,0	
14	Nhà Văn hóa xã Đức Lương	902-31/3/2016	3.193		3.193	0	2.500,0	117,0	2.617,0	
15	Đường vào khu DL Chùa Thiên Tây Trúc xã Quân Chu	2541-31/10/2010; Số 3600/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	45.011	3.400		38.661	3.400,0	-49,8	3.350,2	
16	Nhà văn hóa xã Văn Yên huyện Đại Từ	6380/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	3.427	1.500		1.927	1.500,0	287,0	1.787,0	
17	Nhà văn hóa xã An Khánh huyện Đại Từ	11939/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2.999	1.500		1.499	1.500,0	39,0	1.539,0	
18	Trường MN Hùng Sơn I, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	893/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	4.799		4.799	0	4.319,0	174,0	4.493,0	
19	Trường MN Hoàng Nông, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	678 - 21/3/2016; 912/QĐ-UBND ngày 31/3/2016;	4.101		4.101	0	3.600,0	181,0	3.781,0	
20	Trường THCS Phú Xuyên. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	7126/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3.733		3.733	0	3.700,0	-276,0	3.424,0	
21	Trường Mầm non xã Khôi Kỳ. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	866 - 30/3/2016; 7124/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.793		4.793	0	3.288,0	1.382,0	4.670,0	
22	Trường Tiểu học xã Khôi Kỳ. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	7144/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3.565				3.500,0	-172,0	3.328,0	
23	Trường MN Phú Thịnh, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	Số 11941/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	4.221			4.221	4.000,0	-159,0	3.841,0	
24	Trường Mầm non Hoa Sen, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Số 12030/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.760				4.284,0	326,0	4.610,0	

TT	Danh mục dự án	 Quyết định phê duyệt dự án Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Trong đó						
			Phần 40%	ATK	NV khác				
25	Trường MN Hà Thượng, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Số 12038/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.765	4.765	0	4.289,0	173,0	4.462,0	
26	Trường TH xã Lục Ba, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	7123/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2.775	2.775	0	2.775,0	-272,0	2.503,0	
27	Trường MN thị trấn Quân Chu. HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	7127/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.793	4.793	0	4.793,0	-133,0	4.660,0	
28	Trường TH Yên Lãng I, hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	7119/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.622	4.622	0	4.573,0	-504,4	4.068,7	
29	Trường MN Bán Ngoại, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	Số 912/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	4.646	4.646	0	4.206,0	211,0	4.417,0	
30	Nhà văn hóa xã Na Mao	Số 901/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	3.288	3.288	0	3.213,0	-147,0	3.066,0	
31	Trường Tiểu học Cát Nê. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	7128/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	3.630	3.630		3.630,0	-305,0	3.325,0	
32	Trường THCS Đức Lương. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	5191/QĐ-UBND ngày 18/9/2019	3.352	1.352	2.000	1.750,0	-398,0	1.352,0	
33	Trường TH Việt Ân, hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	7120/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.222	4.222		4.222,0	-389,0	3.833,0	
34	Trường THCS Minh Tiến, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	910/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	3.999	3.999		3.999,0	-407,0	3.592,0	
35	Trường Tiểu học Kim Đồng. HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	7125/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.052	4.052	0	4.000,0	-384,0	3.616,0	
36	Nhà văn hóa xã Phúc Lương	903/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	2.914	2.738	176	2.914,0	-176,0	2.738,0	


TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Phần 40%	ATK					NV khác
37	Di chuyển đài tưởng niệm và mở rộng sân vận động thị trấn Quán Chu	7129/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	1.191		964	227	1.100,0	-136,0	964,0	
38	Trường Mầm non La Bằng. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	863 - 30/3/2016; 7132/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	4.797		4.797	0	4.400,0	258,0	4.658,0	
39	Trường TH Phúc Lương. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	7122/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	4.116		4.116	0	4.000,0	-383,0	3.617,0	
40	Trường MN Yên Lãng, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	904/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	4.453		4.453	0	4.301,0	152,0	4.453,0	
41	Trường TH Mỹ Yên. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 6 phòng	7136a/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2.754		2.702		3.000,0	-298,0	2.702,0	
42	Trường MN Cù Vân, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	3896/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	2.960					794,0	794,0	
43	Trường Tiểu học Văn Yên, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	5148/QĐ-UBND ngày 10/9/2019	2.503					1.187,0	1.187,0	
44	Khu lẻ trường Mầm non Văn Yên, hạng mục: Công, hàng rào, khuôn viên, nhà xe giáo viên, nhà bảo vệ, nhà bếp	5005/QĐ-UBND ngày 29/8/2019	3.424					1.126,0	1.126,0	
b	Công trình hoàn thành đang quyết toán		328.098	28.582	20.633	278.883	82.617,0	-35.317,6	47.299,4	
1	Đường Mỹ Yên, Khôi Kỳ, Hoàng Nông, La Bằng, Phú Xuyên H Đại Từ	3047-15/10/2016	114.067	21.562	7.755	84.750	35.478,0	-8.056,6	27.421,4	
2	Đường GTLX Đại Từ, Mỹ Yên, Văn Yên H Đại Từ	2742-31/10/2011	59.572	7.020		52.552	16.415,0	-9.415,0	7.000,0	
3	Đường GTLX Cát Nê - Thạm Thịnh - Quán Chu	3037-14/11/2016	58.519		4.200	54.319	10.780,0	-6.580,0	4.200,0	
4	Đường vào trung tâm xã Bản Ngoại và xã Phú Lạc	2944-18/11/2011	92.908		5.799	87.109	17.053,0	-11.254,0	5.799,0	

TT	Danh mục dự án	 Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Phần 40%	ATK					NV khác
5	Nhà văn hóa thị trấn Quán Chu	897/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; Số 5228/QĐ-UBND ngày 15/8/2018	3.032		2.879	153	2.891,0	-12,0	2.879,0	
c	Công trình đang thi công		155.415	29.154	59.744	67.779	41.392,0	33.966,6	75.358,6	
1	Trường Mầm non xã Phú Xuyên. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	16028 - 31/12/2016; 7131/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	4.799		4.700	99	251,0	220,0	471,0	
2	Trụ sở làm việc liên cơ quan và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện	8725/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	35.000	7.692		27.308	3.600,0	13.932,0	17.532,0	
3	Trường THCS xã Tân Thái, Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng; nhà làm việc 2 tầng và các phòng chức năng	6484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12.570	11.500		1.070	0,0	2.536,0	2.536,0	
4	Đường bê tông vào trường mầm non Núi Hồng xã Yên Lãng	6493 - 30/10/2018	3.497		3.391	106	3.500,0	-109,0	3.391,0	
5	Trường TH xã Quán Chu. HM nhà LH 2 tầng 8 phòng	871 - 30/3/2016; 6490 - 30/10/2018	3.844		3.800	44	0,0	-800,0	-800,0	
6	Trường TH Hoàng Nông. HM nhà LH 2 tầng 6 phòng	16030 - 31/12/2016; 6484 - 30/10/2018	2.836		2.800	36	4.400,0	-700,0	3.700,0	
7	Trường TH Đức Lương. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	6486/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	3.632		3.600	32	3.300,0	300,0	3.600,0	
8	Trường Mầm non Na Mao. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 6 phòng	6505/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.895		6.500	395	4.400,0	2.100,0	6.500,0	
9	Trường THCS Tiên Hội, hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng,	6496 - 30/10/2018	4.095		4.000	95	4.500,0	-500,0	4.000,0	
10	Trường THCS Phú Lạc, hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	882 - 30/3/2016; 6488 - 30/10/2018	4.377		4.300	77	4.400,0	-100,0	4.300,0	


TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Phần 40%	ATK					NV khác
11	Trường Mầm non Cát nê. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 8 phòng	6503/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.977		6.427	550	4.800,0	1.225,0	6.025,0	
12	Trường Tiểu học Hà Thượng. Hạng mục: Nhà LH 2 tầng 6 phòng	881 - 30/3/2016; 6487 - 30/10/2018	3.141		4.000	403	4.000,0	-1.000,0	3.000,0	
13	Trường mầm non Lục Ba, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	6504 - 30/10/2018	6.352		6.200	152	4.241,0	-2.585,3	1.655,7	
14	Trung tâm văn hóa các dân tộc huyện Đại Từ	6700/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	50.000	9.962	10.026	30.012		15.447,9	15.447,9	
15	Trang thiết bị nội thất trung tâm văn hóa các dân tộc	994/QĐ-UBND ngày 16/3/2020	7.400		0	7.400		4.000,0	4.000,0	
B	PHÚ LƯƠNG		137.267	44.410	83.381	9.465	69.004,0	0,0	69.004,0	
	NGUỒN NS TỈNH PHÂN CẤP CHO CẤP HUYỆN 40%		112.783,2	44.410,0	61.852,0	6.510,0	47.183,0	0,0	47.183,0	
<i>I</i>	<i>Trả nợ công trình hoàn thành, chuyển tiếp trước năm 2015</i>		<i>71.159</i>	<i>44.410</i>	<i>25.238</i>	<i>1.500</i>	<i>13.328,0</i>	<i>-2.321,0</i>	<i>11.007,0</i>	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>									
1	Đường giao thông nông thôn xã Tức Tranh (Đường giao thông liên xã Quốc lộ 3 - Phấn Mễ - Tức Tranh), huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đoạn tuyến Tức Tranh - Yên Lạc - Yên Đổ	579- 07/3/2011	55.383	44.410	10.973		7.893,0	-2.793,0	5.100,0	
2	Bãi rác thải huyện Phú Lương	2973- 24/11/2011	15.776		14.265	1.500	5.435,0	472,0	5.907,0	
<i>II</i>	<i>Công trình khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>		<i>41.624</i>	<i>0</i>	<i>36.614</i>	<i>5.010</i>	<i>33.855,0</i>	<i>2.321,0</i>	<i>36.176,0</i>	<i>0</i>
1	Phân hiệu trường Mầm non thị trấn Đu. HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	1413a- 31/3/2016	5.645		5.450	195	5.450,0	-77,0	5.373,0	
2	Trường Mầm non xã Tức Tranh, huyện Phú Lương. HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	1432a- 31/3/2016	4.806		4.772	34	4.772,0	-140,0	4.632,0	
3	Nhà làm việc khối đoàn thể	1497- 6/4/2016	10.745		10.745		10.745,0	-35,0	10.710,0	
4	Trường THCS xã Vô Tranh. HM: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	7692a - 31/10/2016	4.216		4.216		4.216,0	-285,0	3.931,0	

TT	Danh mục dự án		Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Phần 40%	ATK					NV khác
5	Trường TH Cô Lũng II. HM: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	3991- 23/8/2016	4.930		700	4.230	700,0	-200,0	500,0	
6	Trường MN xã Yên Đổ. HM: Cổng, hàng rào	3191; 29/8/2019	500		450	50	450,0	-15,0	435,0	
7	Phân hiệu trường MN thị trấn Đu. HM: nhà bếp	2486; 28/6/2019	1.000		947	53	947,0	-11,0	936,0	
8	Trụ sở UBND thị trấn Đu, huyện Phú Lương	3221; 31/10/2018	6.999		6.575	424	6.575,0	325,0	6.900,0	
9	Trường MN Phần Mễ I, hạng mục nhà lớp học 4 phòng	4114- 31/10/2019	2.783		2.759	24	0,0	2.759,0	2.759,0	
	NGUỒN VỐN ATK		24.484	0	21.529	2.955	21.821,0	0,0	21.821,0	
	<i>Khởi công năm 2016-2020</i>									
1	Đường Na Hiến - Na Máy - Khuôn Lặng - Na Pháng xã Yên Trạch	1443a- 31/3/2016	6.961		6.892	69	6.892,0	8,0	6.900,0	
2	Trường MN xã Phú Lý, HM: NLH 2T6P	1431a- 31/3/2016	4.346		4.346		4.346,0	-151,0	4.195,0	
3	Đường GTNT Tiến Thành - Bo Chè xã Hợp Thành	1434a- 31/3/2016	1.878		1.878		1.878,0	-25,0	1.853,0	
4	Trường Tiểu học Ôn Lương	916- 30/3/2017	2.500		2.500		4.900,0	-288,0	4.612,0	
5	Cải tạo, sửa chữa trường TH xã Hợp Thành	915- 30/3/2017	1.642		1.537	105	1.537,0	-1.537,0	0,0	
6	Trường tiểu học Hợp Thành. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	4113 31/10/2019	3.600		1.562	2.038	0,0	1.562,0	1.562,0	
7	Đường GTNT xã Yên Trạch	919 - 30/3/2017; 4110 31/10/2019	1.161		1.009	152	1.009,0	-8,0	1.001,0	
8	Đường GTNT liên xóm Đồng Rôm - Đồng Chợ, xã Phú Lý, huyện Phú Lương	3901; 31/10/2017	1.259		1.259		1.259,0	-107,0	1.152,0	
9	Trường Tiểu học Ôn Lương. Hạng mục: Đường vào trường, sân bê tông	4111 31/10/2019	338		288	50	0,0	288,0	288,0	
10	Trường Tiểu học Phú Lý. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	4112 31/10/2019	799		258	541	0,0	258,0	258,0	
C	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		128.810	100.735	0	22.829	92.915,0	0,0	92.915,0	
I	Các dự án khởi công năm 2015 trở về trước		1.072	279	0	2.101	4.139,0	-577,0	3.562,0	
a	Dự án đã phê duyệt quyết toán		1.072	279	0	0	279,0	-162,0	117,0	
1	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng và 04 phòng công vụ trường tiểu học Ninh Sơn TPTN	11007- 20/10/2015	1072,495	279			279,0	-162,0	117,0	
b	Dự án chuyển tiếp				0	2.101	3.860,0	-415,0	3.445,0	


TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú	
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó						
				Phần 40%	ATK					NV khác
I	Trụ sở Câu lạc bộ hưu trí Thái Nguyên	2464 31/10/2014	5961	3.860		2.101	3.860,0	-415,0	3.445,0	
II	Các dự án dự kiến khởi công giai đoạn 2016		127.737	100.456	0	20.728	88.776,0	577,0	89.353,0	
1	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Hương Sơn	3624 31/3/2016	5297	5.230			5.230,0	-334,0	4.896,0	
2	Trường MN Tích Lương. Hạng mục: Công, hàng rào, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh, rãnh thoát nước	3640 31/3/2016	3726	3726			5.430,0	-1.927,0	3.503,0	
3	Cải tạo nâng cấp đường Gang thép, phường Hương Sơn	3623 31/3/2016	14705	14705			14.996,0	-1.301,0	13.695,0	
4	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	3652 31/10/2017	40800	34314			28.828,0	5.000,0	33.828,0	
5	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ (nguồn vốn NS tỉnh 50%; NS thành phố 50%)	2906 31/10/2016	25209,5	12604,5		12.605	4.415,0	1.016,0	5.431,0	
6	Cải tạo, mở rộng đường Phú Thái	11903 31/10/2017	38.000	29877		8.123	29.877,0	-1.877,0	28.000,0	
D	HUYỆN ĐỊNH HÓA		493.520	389.563	66.377		269.951,6	0,0	269.951,6	
I	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán		18.020	18.020	0		7.070,0	-20,0	7.050,0	
1	Đường Sơn Phú - Phú Đình huyện Định Hóa	2486-03/10/2011; 2003-09/10/2013	18.020	18.020			7.070,0	-20,0	7.050,0	
II	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán		198.225	188.225	10.000		89.908,2	5.578,0	95.486,0	
1	Nhà hiệu bộ và các phòng chức năng 2 tầng 6 phòng trường MN Phú Tiến	6492, 27/10/2017	2.860	2.860	0		2.860,0	-180,0	2.680,0	
2	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường Tiểu học Linh Thông	6493, 27/10/2017	5.039	5.039	0		5.039,2	-199,0	4.840,0	
3	Hàng rào, sân bê tông, nhà xe GV-HS, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh trường Tiểu học Linh Thông	6494, 27/10/2017	1.500	1.500	0		1.500,0	-136,0	1.364,0	
4	Kè chống xói lở bờ sông chu (đoạn từ nà linh đến đường trần tấn dương)	1424, 18/06/2015	46.559	46.559	0		4.500,0	-435,0	4.065,0	
5	Hồ chứa nước Đồng Lá xã Diềm Mặc huyện Định Hóa	2263, 30/10/2013	49.735	49.735	0		29.509,0	-334,0	29.175,0	
6	Đường Tân Thịnh - Khe Thít huyện Định Hóa	2263, 30/10/2013	92.532	82.532	10.000		46.500,0	6.862,0	53.362,0	
III	Dự án chuyển tiếp sang năm 2020		221.275	150.595	33.100	0	140.250,6	26.618,0	166.868,6	
1	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Định Hóa	5157, 31/10/2016	88.461	88.461	0		88.460,6	4.192,0	92.652,6	

TT	Danh mục dự án		Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
				Phần 40%	ATK				
2	Hồ chứa nước Đèo Phượng, xã Linh Thông, huyện Định Hóa	8517, 29/12/2017	50.237		30.000	0,0	20.237,0	20.237,0	
3	Hội trường lớn Trung tâm huyện Định Hóa	2882, 31/10/2016	28.844	25.844	3.000	0,0	4.882,0	4.882,0	
4	Nhà 2 tầng 10 phòng trường THCS Sơn Phú	5626, 29/10/2018	6.500	5.500		5.500,0	277,0	5.777,0	
5	Nhà 2 tầng 8 phòng nhà hiệu bộ, phòng chức năng trường Mầm non Linh Thông	5694, 30/10/2018	4.500	1.000		4.500,0	-400,0	4.100,0	
6	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS Chợ Chu	5700, 31/10/2018	6.286			5.500,0	100,0	5.600,0	
7	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường MN Phượng Tiến	5693, 29/10/2018	6.557			6.500,0	-577,0	5.923,0	
8	Cầu vượt Sông Chu thị trấn Chợ Chu huyện Định Hóa	6713, 30/10/2017	14.941	14.891	50	14.891,0	-849,0	14.042,0	
9	Đường sang khu trung tâm văn hóa - thể thao huyện Định Hóa	6490, 27/10/2017	14.949	14.899	50	14.899,0	-1.244,0	13.655,0	
IV	Dự án khởi công mới năm 2020		56.000	32.723	23.277	0	32.722,8	-32.176,0	547,0
1	Hồ Làng Pháng xã Bình Thành	5629, 29/10/2018	56.000	32.723	23.277	32.722,8	-32.176,0	547,0	
E	Huyện Võ Nhai					98.580,4	0,0	98.580,4	
a	Dự án hoàn thành quyết toán					88.521,4	-2.153,4	86.368,0	
1	Đường giao thông xóm Bãi Lai, thị trấn Đình Cả					864,0	500,0	1.364,0	
2	Trường tiểu học Làng Mười xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai. Hạng mục: Xây mới 3 phòng lớp học					1.500,0	-58,2	1.441,8	
3	Sửa chữa, nâng cấp đập đầu mối Non Giang xã Lâu Thượng					2.977,0	-247,7	2.729,3	
4	Hệ thống đường điện chiếu sáng từ thị trấn Đình Cả đến UBND xã Lâu Thượng					1.531,0	-21,3	1.509,7	
5	Đường giao thông nông thôn Ba Nhất đi Đồng Lạn xã Phú Thượng huyện Võ Nhai					5.965,0	-43,5	5.921,5	
6	Trường TH Dân Tiến II. Hạng mục: Nhà lớp học, nhà chức năng và công trình phụ trợ					3.956,0	-91,6	3.864,4	
7	Trường mầm non Phương Giao. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, nhà hiệu bộ, nhà bếp ăn, công hàng rào, sân bê tông					5.045,0	-183,3	4.861,7	
8	Đập và kênh Đồng Hiếm xã Liên Minh					2.788,0	-130,0	2.658,0	

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
				Phần 40%	ATK				
9	Đường Bán Cái - Thượng Lương, xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai					4.377,0	-151,5	4.225,5	
10	Đường giao thông từ xóm Đồng Chuối đến xóm Tân Tiến, xã Dân Tiến, huyện Võ Nhai (Đoạn 2)					9.615,0	-123,5	9.491,5	
11	Trường Trung học cơ sở Bình Long. Hạng mục: Phòng học chức năng, công hàng rào, sân bê tông, nhà bảo vệ, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng.					3.000,0	-65,2	2.934,8	
12	Trường TH Đông Bo, xã Tráng Xá. Hạng mục: Xây mới 07 phòng học, phòng học chức năng, bếp ăn, công trường, nhà bảo vệ, hàng rào sân bê tông, nhà để xe, nhà vệ sinh, sửa chữa nhà lớp học					3.798,0	-59,3	3.738,7	
13	Đường GT liên xã Tráng Xá - Liên Minh	6316, 21/11/2015	28.229,0	5.943,0	8.716,9	15.000,0	14.659,9	-1.430,9	13.229,0
14	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ UBND xã Bình Long đi Quảng Phúc, xã Bình Long	4010; 27/10/2016	22.443,2	22.443,2			22.999,7	-556,5	22.443,2
15	Chợ La Hiên		9.984,0	3.000,0		6.984,0	3.000,0	847,3	3.847,3
16	Trường MN Dân Tiến II; HM: NLH 1 phòng, sân bê tông, tường rào	29/QĐ-HĐND; 24/2/2016	860,0	210,0		650,0	210,0	-210,0	0,0
17	Trường mầm non Sáng Mọc		2.602,0	402,0		2.200,0	402,0	-402,0	0,0
18	Trường TH Bình Long II, huyện Võ Nhai. HM: Nhà chức năng 6 gian, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà bếp, nhà vệ sinh giáo viên, sân bê tông, công - hàng rào, đường vào trường, cải tạo nhà hiệu bộ và nhà lớp học 2 tầng		1.911,0	1.911,0			1.833,8	273,8	2.107,6
b	Dự án chuyển tiếp						3.007,0	-22,0	2.985,0
1	Trường Mầm non Liên Minh. Hạng mục: Sân, đường bê tông, công, hàng rào, nhà hiệu bộ, nhà thể chất						3.007,0	-22,0	2.985,0
c	Khởi công mới năm 2020						7.052,0	2.175,4	9.227,4
1	Sửa chữa, nâng cấp đập Mỏ Mòng Đồng Bản, xã Bình Long						4.755,0	-43,0	4.712,0
2	Lò đốt rác bãi rác Hùng Sơn thị trấn Đình Cả. Các hạng mục phụ trợ						2.297,0	-1.097,0	1.200,0
3	Đường từ QL1B vào trường PTTH Võ Nhai						0,0	1.529,8	1.529,8
4	Chợ xã Phương Giao (GĐ1)						0,0	1.785,6	1.785,6

TT	Danh mục dự án		Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
				Phần 40%	ATK				
F	Thị xã Phổ Yên					75.964,0	0,0	75.964,0	
a	Dự án hoàn thành					31.073,0	-7.121,0	23.952,0	
1	Đường vào khu ATK xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên					859,0	85,1	944,1	
2	Đường Thanh Xuyên - Chã huyện Phổ Yên					482,0	224,0	706,0	
3	Xây dựng khu tái định cư Nam Tiên huyện Phổ Yên phục vụ GPMB nút giao Yên Bình thuộc dự án đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên					744,0	49,4	793,4	
4	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị, thị trấn Ba Hàng huyện Phổ Yên					2.444,0	-180,4	2.263,6	
5	Xây dựng khu tái định cư xóm Ao Đình xã Tân Hương huyện Phổ Yên phục vụ GPMB nút giao Yên Bình thuộc dự án đường cao tốc Hà Nội - thái Nguyên					519,0	-21,0	498,0	
6	Cải tạo tuyến đường từ ngã 3 chợ Long Thành đi Ngòi Mèn, xã Thành Công, huyện Phổ Yên					1.864,0	-1.144,0	720,0	
7	Xây dựng khu tái định cư xóm Sứ xã Tân Hương huyện Phổ Yên phục vụ GPMB nút giao Yên Bình thuộc dự án đường cao tốc Hà Nội - thái Nguyên					110,0	-65,2	44,8	
8	Xây mới Trường MN Hồng Tiến 1					20.051,0	-5.946,6	14.104,4	
9	Đường GTNT Trung Quân-Giã Thù, xã Tiên Phong					700,0	-218,0	482,0	
10	Đường GTNT Trung Quân-Định Thành, xã Tiên Phong					500,0	-18,0	482,0	
11	Đường GTNT thôn Xuân Trù, xã Tiên Phong					500,0	200,0	700,0	
12	Đường GTNT trung tâm Cô Pháp-Thái Cao, xã Tiên Phong (Giai đoạn 2)					1.000,0	10,0	1.010,0	
13	Công trình 5: Đường GTNT Cầu Gô - Giã Trung xã Tiên Phong					700,0	-15,9	684,1	
14	Công trình 6: Đường GTNT Đại Tân xã Tiên Phong					600,0	-80,4	519,6	
b	Dự án chuyển tiếp					44.891,0	2.556,1	47.447,1	
1	Đường từ đền thờ liệt sỹ thị xã Phổ Yên đi đường sắt Hà Thái					10.053,0	-2.299,2	7.753,8	

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
				Phần 40%	ATK				
2	Đường từ ngã 3 chợ Phố Yên đi khu dân cư VIF					31.438,0	4.733,0	36.171,0	
3	Đường GTNT thôn Nguyễn Hậu, xã Tiên Phong					1.100,0	-20,7	1.079,3	
4	Đường GTNT xóm Thái Cao đi Quyết Tiến, xã Tiên Phong					300,0	-9,0	291,0	
5	Đường GTNT Cổ Pháp – Hào Sơn – Xuân Trù, xã Tiên Phong					1.100,0	-42,0	1.058,0	
6	Đường GTNT thôn Thủ Lâm, xã Tiên Phong					900,0	194,0	1.094,0	
c	Khởi công mới năm 2020					0,0	4.564,9	4.564,9	
1	Xây mới Trường MN Hồng Tiến 1 (Giai đoạn 2)						4.564,9	4.564,9	
G	Thành phố Sông Công					44.597,0	0,0	44.597,0	
a	Dự án hoàn thành					15.598,0	-1.246,0	14.352,0	
1	Xây dựng hạ tầng KDC đường Thống Nhất					4.598,0	-1.989,0	2.609,0	
2	Nghĩa trang liệt sĩ TX Sông Công					11.000,0	743,0	11.743,0	
b	Dự án chuyển tiếp					28.999,0	-11.011,0	17.988,0	
1	Đường 30/4 thành phố Sông Công đoạn từ đường Thăng Lợi đến đường Thống Nhất					10.569,0	-4.971,0	5.598,0	
2	Trường tiểu học và THCS Vinh Sơn					14.430,0	-7.040,0	7.390,0	
3	Trường TH Tân Quang	2905-31/10/2016	15.000,0	4.000,0	11.000,0	4.000,0	1.000,0	5.000,0	
c	Khởi công mới năm 2020					0,0	12.257,0	12.257,0	
1	Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc phường mới sau khi nhập xã Vinh Sơn và phường Lương Châu (dự kiến là phường Châu Sơn)						5.000,0	5.000,0	
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đi trung tâm hành chính xã Tân Quang, thành phố Sông Công						7.257,0	7.257,0	

TT	Danh mục dự án	 Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 đã được HĐND tỉnh thông qua	Điều chỉnh Tăng/ Giảm(-)	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
				Phần 40%	ATK				
H	HUYỆN PHÚ BÌNH								
1	Đường đến trung tâm xã Tân Đức - Tân Hoà - Tân Thành - Tân Kim, huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên	5016-30/10/2017	7.599,0	5.000,0			2.767,0	-1.464,0	1.303,0
2	Xây dựng hạ tầng nhà máy may TNG Phú Bình; Hạng mục: Nền đường, mặt đường	3181-12/6/2015	4.327,0	1.500,0			1.500,0	-200,0	1.300,0
3	Trung tâm văn hoá thể thao huyện Phú Bình; Hạng mục: Nhà hội nghị Thể thao	4314-23/6/2014	42.572,0	11.272,0			11.272,0	-2.166,7	10.572,0
4	Trường mầm non Bàn Đát huyện Phú Bình; Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng	2933-30/8/2016	7.000,0	4.000,0			4.000,0	-4.000,0	0,0
5	Cầu Mỹ Sơn thị trấn Hương Sơn huyện Phú Bình	962-5/4/2017	7.338,0	4.000,0			4.000,0	700,0	4.700,0
6	Cầu Cổ Dạ xã Bảo Lý huyện Phú Bình	5015-27/10/2017	5.378,0	3.920,0			3.920,0	664,0	4.584,0
7	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường Tiểu học Úc Kỳ							5.000,0	5.000,0
8	Trường THCS Lương Phú, hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng		7.500,0	7.500,0			3.786,0	1.466,7	5.252,7
I	HUYỆN ĐỒNG HỖ		34.889,0	30.889,0	4.000,0	0,0	34.889,0	0,0	34.889,0
a	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán		8.224,0	4.224,0	4.000,0	0,0	8.000,0	224,0	8.224,0
1	Xây dựng tuyến đường từ xóm Thịnh Đức 1 đi xóm La Đùm, xã Văn Hán	Số 4689/QĐ-UBND ngày 29/10/2016	8.224,0	4.224,0	4.000,0		8.000,0	224,0	8.224,0
b	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán		26.665,0	26.665,0	0,0	0,0	26.889,0	-224,0	26.665,0
1	Đường giao thông NT từ cầu treo Văn Khánh đi xóm Bán Tền, xã Văn Lăng	Số 2199/QĐ-UBND ngày 24/10/2013	12.665,0	12.665,0			16.500,0	-3.835,0	12.665,0
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã Minh Lập đi xóm Trại Cài, xã Minh Lập	Số 4688/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	14.000,0	14.000,0			10.389,0	3.611,0	14.000,0

Số: /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày tháng 7 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn
ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHOÁ XIII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định 136/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật đầu tư công và Nghị định 161/2016/NĐ-CP về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Số 84/2015/NQ-HĐND ngày 26/8/2015 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và danh mục dự án dự kiến khởi công mới thuộc vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thái Nguyên; Số 06/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 về kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và 3 năm 2018-2020 tỉnh Thái Nguyên; Số 31/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Số 19/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước - vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thái Nguyên; Số 06/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Sau khi xem xét nội dung Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 26/6/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; Báo cáo của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020:

1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020:

- Bổ sung từ nguồn bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: 61,141 tỷ đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn giữa các dự án do quyết toán còn thừa vốn để bổ sung cho các dự án chưa đưa vào kế hoạch trung hạn, thực hiện đình hoãn, giãn tiến độ một số dự án chưa thực sự cấp thiết để bổ sung vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương thuộc nguồn vốn phân cấp 40% cho cấp huyện và hỗ trợ đầu tư hạ tầng các xã ATK giữa các công trình, dự án trong cùng một địa phương.

2. Nguyên tắc phân bổ:

Thực hiện đúng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ban hành kèm theo Nghị quyết số 84/2015/NQ-HĐND tỉnh, đồng thời chấp hành nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cụ thể như sau:

- Ưu tiên bổ sung vốn cho các dự án hoàn thành, đã phê duyệt quyết toán còn thiếu vốn để làm cơ sở bổ sung kế hoạch hàng năm, thực hiện tất toán tài khoản.

- Bổ sung vốn cho một số công trình trọng điểm cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thành.

- Bổ sung, cân đối đủ vốn cho các dự án, công trình đang triển khai thực hiện mà chưa bố trí đủ vốn.

- Bổ sung vốn và danh mục các dự án khởi công mới cấp bách, trọng điểm của tỉnh, của địa phương cần phải triển khai thực hiện trong giai đoạn 2019 - 2020.

3. Danh mục dự án và phương án phân bổ:

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được điều chỉnh, bổ sung. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần phải điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn và danh mục dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Thái Nguyên khoá XIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Hòa